TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2023/HS-ST
Ngày: 28/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hồng Tươi;

2. Bà Trần Thị Mộng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 20223 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/HSST-QĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Cao Văn Đ, sinh ngày 20/11/1998 tại An Giang; thường trú: Khóm K, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; tạm trú: Phường Th, thành phố A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn Nô A, sinh năm 1975 và bà Trần Thị H, sinh năm 1977; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 02/8/2014, bị Công an thị xã (nay là thành phố) A, tỉnh Bình Dương xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.250.000 đồng về hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác.

- Ngày 28/3/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) A, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2017/HSST, chấp hành xong hình phạt vào ngày 03/6/2016, đã đóng án phí theo quy định.

Bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T từ ngày 31/5/2022 cho đến nay; có mặt.

2. Bùi Hữu Đ1, sinh ngày 03/10/2001 tại An Giang; thường trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; tạm trú: Khu phố A, phường P, thành phố A, tỉnh Bình

Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Ngọc L, sinh năm 1980 và bà Trần Kim Th, sinh năm 1980; tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T từ ngày 01/6/2022 cho đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Hữu Đ1:* Ông Trần Văn D, sinh năm 1981 – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV N – Đoàn Luật sư Th phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 141-143 N, phường H, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Lê Thị B, sinh năm 1987; thường trú: Ấp Q, xã Đ, huyện Z, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Khu phố B, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Phạm Văn V, sinh ngày 10/4/2005. *Người đại diện hợp pháp:* Bà Lê Thị B (mẹ); có mặt;

+ Ông Lý Văn Tr; vắng mặt;

+ Ông Nguyễn Viết H2; có đơn xin vắng mặt;

+ Ông Bồ Xuân Th; có đơn xin vắng mặt;

+ Ông Tô Thanh T3; có đơn xin vắng mặt;

+ Ông Lý Nguyễn L2; có mặt;

+ Ông Lý Khắc H3; có mặt;

+ Ông Nguyễn Thanh H4; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn V và Lý Văn Tr là bạn. Khoảng 22 giờ 00 ngày 29/5/2022, V và Tr góp tiền mỗi người 200.000 đồng đi mua ma túy đá sử dụng chung. Khi về đến gần khu vực chợ F thuộc phường P, thành phố A, V và Tr bị hai cán bộ Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Bình Dương là ông Nguyễn Viết H2 và ông Bồ Xuân Th đi tuần tra kiểm tra hành chính phát hiện trong balo của V có cất giấu ma túy nên tiến hành bắt giữ. Lúc này, V điện thoại cho Cao Văn Đ đến bảo lãnh. Sau đó, Cao Văn Đ đi cùng với Ngô Thị Hoàng Y (bạn gái của V), 01 người phụ nữ tên K (chưa rõ lai lịch, là bạn gái của Tr) và 01 người đàn ông tên Đ2 (chưa rõ lai lịch) đến gặp cán bộ Cảnh sát cơ động cùng V và Tr. Lực lượng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Bình Dương đưa V và Tr về Công an phường P để lập hồ sơ xử lý. Đến sáng ngày 30/5/2022, Đ2 biết được việc V và Tr đang bị Công an phường P giữ để làm việc nên cho Y số điện thoại của Bùi Hữu Đ1 là thành viên đang trong thời gian thử thách của Đội xung kích phòng chống tội phạm phường P nhờ Hữu Đ1 lo cho V và Tr được bảo lãnh. Sau đó, Y gọi điện thoại cho Hữu Đ1, Hữu Đ1

nói phải có người lớn nói chuyện nên Y đã nhờ Văn Đ gọi điện thoại nói chuyện với Hữu Đ1. Cao Văn Đ gọi điện thoại cho Hữu Đ1 nói chuyện thì Hữu Đ1 cho biết hồ sơ của V và Tr do ông Tô Thanh T3 – Cán bộ Đội Cảnh sát Kinh tế và Ma túy Công an thành phố A thụ lý. Lúc này, Văn Đ nhờ Hữu Đ1 gọi cho ông T3 nhờ giúp đỡ cho V và Tr được tại ngoại. Sau đó, Hữu Đ1 gọi điện thoại bảo Văn Đ nói người nhà đưa cho ông T3 40.000.000 đồng thì V và Tr sẽ được tại ngoại.

Khoảng 17 giờ 00 ngày 30/5/2022, Văn Đ điện thoại cho ông T3 qua số điện thoại 0379.583.038 cho biết là gia đình của V và Tr đã đồng ý lo số tiền 40.000.000 đồng nhưng ngày 01/6/2022 mới có tiền để đưa, ông T3 đồng ý và kêu Văn Đ lên Công an thành phố A chở V và Tr về. Sau đó, Văn Đ và Đ2 điều khiển xe mô tô đến Công an thành phố A chở V và Tr về. Trên đường về, Văn Đ thông báo cho Hữu Đ1 biết là đang đi đón V và Tr về, Hữu Đ1 kêu chở V và Tr về quán cà phê C thuộc phường B để nói chuyện, khi đến nơi Hữu Đ1 yêu cầu V và Tr đúng hẹn phải giao số tiền 40.000.000 đồng cho ông T3 và phải đưa thêm 5.000.000 đồng cho Hữu Đ1 để lo tiền cà phê, V đồng ý. Do không có tiền, Y đã gọi điện thoại về quê báo cho mẹ của V là bà Lê Thị B biết sự việc. Sau đó, bà B đã nhờ ông Lý Nguyễn L2 và ông Lý Khắc H3 (là bạn của bà B) và ông Nguyễn Thanh H4 (là thành viên câu lạc bộ phòng chống tội phạm thành phố M) hỗ trợ cùng đi giao tiền để bắt quả tang khi Văn Đ nhận tiền. Đến khoảng 15 giờ 30 ngày 31/5/2022, bà B hẹn Văn Đ đến quán cà phê Đ3 thuộc khu phố W, phường J, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương để giao số tiền 20.000.000 đồng. Khi Văn Đ vừa nhận số tiền 20.000.000 đồng từ bà B thì bị ông H4 và những người đi cùng bắt giữ giao cho Công an phường J. Công an phường lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng là số tiền 20.000.000 đồng.

Công an phường J lập hồ sơ ban đầu và tiến hành tạm giữ: 01 điện thoại di động hiệu VIVO màu đen; 01 căn cước công dân tên Bùi Hữu Đ1; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus và bàn giao Cao Văn Đ cùng hồ sơ vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã (nay là thành phố)T thụ lý theo thẩm quyền.

Trên cơ sở lời khai của Cao Văn Đ, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã mời Bùi Hữu Đ1 về trụ sở làm việc, Bùi Hữu Đ1 đã khai nhận toàn bộ hành vi cùng thỏa thuận và bàn bạc với Cao Văn Đ để chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng của gia đình của V và Tr.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị B yêu cầu Cao Văn Đ và Bùi Hữu Đ1 bồi thường số tiền là 20.000.000 đồng, Cao Văn Đ và Bùi Hữu Đ1 chưa bồi thường.

Bản Cáo trạng số 66/CT-VKSTU ngày 13/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Cao Văn Đ và Bùi Hữu Đ1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Cao Văn Đ từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Hữu Đ1 từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không yêu cầu Hội đồng xét xử đặt ra xem xét.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu VIVO màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus; trả lại cho bị cáo Bùi Hữu Đ1 căn cước công dân; trả lại cho bị hại bà Lê Thị B số tiền 20.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Hữu Đ1 trình bày tranh luận: Thống nhất với tội danh và điều khoản cáo trạng truy tố đối với bị cáo Bùi Hữu Đ1. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống ma túy được tặng giấy khen. Ngoài ra mẹ bị cáo đang bị bệnh nặng, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử bị cáo mức án bằng với thời gian tạm giam.

Tại phiên tòa, bị hại bà Lê Thị B trình bày: Bà B thống nhất nội dung cáo trạng truy tố các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, bà B không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Về trách nhiệm hình sự, bà B xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bà B không có ý kiến gì trong phần tranh luận.

Tại phiên tòa, những người làm chứng ông Lý Nguyễn L2 và ông Lý Khắc H3 trình bày: Ông L2 và ông H3 thống nhất nội dung sự việc như cáo trạng của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Các bị cáo không có ý kiến gì trong phần tranh luận.

Trong phần trình bày lời nói sau cùng, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Những người làm chứng có đơn xin vắng mặt. Quá trình điều tra, lời khai của họ không mâu thuẫn với lời khai

của các bị cáo và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát; người bào chữa cho bị cáo Bùi Hữu Đ1; các bị cáo; bị hại đồng ý xét xử vắng mặt những người làm chứng. Xét thấy, việc vắng mặt của những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người làm chứng.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 31/5/2022, tại khu phố W, phường J, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, Cao Văn Đ và Bùi Hữu Đ1 dùng thủ đoạn gian dối là có thể lo cho Phạm Văn V và Lý Văn Tr vi phạm về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy tại phường P, thành phố A, tỉnh Bình Dương được tại ngoại, làm cho bà Lê Thị B tin tưởng rồi đưa cho Cao Văn Đ số tiền 20.000.000 đồng thì bị bắt quả tang.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã (nay là thành phố) T truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Các bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức được hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện sự xem thường pháp luật, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Các bị cáo đã lợi dụng việc Tr và V đang bị điều tra về hành tàng trữ trái phép chất ma túy, lợi dụng lòng tin của bà B là mẹ của V để dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của bà B nhằm thỏa mãn cho nhu cầu cá nhân của các bị cáo. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm các bị cáo đã thực hiện để có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về vai trò: Vụ án có đồng phạm nhưng là đồng đồng phạm giản đơn. Các bị cáo cùng nhau bàn bạc, thỏa thuận thực hiện tội phạm, trong đó Cao Văn Đ trực tiếp thực hiện và Bùi Hữu Đ1 giúp sức tích cực.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Bùi Hữu Đ1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống ma túy được tặng giấy khen. Vì vậy, bị cáo Bùi Hữu Đ1 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Cao Văn Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Cao Văn Đ là phù hợp nhưng đối với bị cáo Bùi Hữu Đ1 là nặng, chưa phù hợp.

[9] Ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo Bùi Hữu Đ1 là không phù hợp.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Điện thoại di động hiệu VIVO màu đen và điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus là phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện tội phạm nên cần tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước;

- Trả lại cho bị cáo Bùi Hữu Đ1 căn cước công dân do không liên quan đến tội phạm;

- Trả lại cho bị hại bà Lê Thị B số tiền 20.000.000 đồng.

[12] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Cao Văn Đ và Bùi Hữu Đ1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1. Về hình phạt:

1.1 Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Cao Văn Đ** 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/5/2022.

1.2 Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Bùi Hữu Đ1** 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/6/2022.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: điện thoại di động hiệu VIVO màu đen và điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus, màu trắng, IC:579C-E2944A;

- Trả lại cho bị cáo Bùi Hữu Đ1 căn cước công dân;

- Trả lại cho bị hại bà Lê Thị B số tiền 20.000.000 đồng.

(Theo B bản giao nhận vật chứng ngày 16/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc mỗi bị cáo Cao Văn Đ và Bùi Hữu Đ1 chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo; bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Công an thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tâm